

BÀI 3: ĐỒ ĐẶC TRONG NHÀ (tiết 11 – 14, SHS, tr.90 – 92)

I. MỤC TIÊU

1. Hát được bài hát có nhắc đến tên đồ vật; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Mọi đồ đặc trong nhà đều có ích lợi và gần gũi, thân quen với con người người; biết liên hệ bản thân: cần yêu quý, bảo quản, giữ gìn mọi đồ vật; biết gọi tên một số đồ dùng quen thuộc và nơi để đồ vật đó.*
3. Viết đúng chữ hoa *K* và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm của đồ vật (màu sắc, hình dáng); đặt được 1 – 2 câu về đồ vật theo mẫu.
5. Thực hiện được trò chơi *Tìm đường đi*; nói được tên những đồ vật thấy trên đường đi.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to (nếu được).
- Mẫu chữ viết hoa *K*.
- Tranh ảnh, video clip một số vật dụng quen thuộc trong gia đình (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn thơ từ đầu đến *trôi mau*.
- Sơ đồ của trò chơi *Tìm đường đi* phóng to (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hát một bài hát có nhắc đến (các) đồ vật; sau đó nói với bạn về công dụng của (các) đồ vật có trong bài hát.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Đồ đặc trong nhà*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa để phán đoán nội dung bài đọc: các đồ vật có trong tranh, ích lợi của từng đồ vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi, rõ tên từng đồ vật và công dụng của mỗi đồ vật đó).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc, luyện đọc một số từ khó: *thiết tha, trôi mau, trời khuya, ...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *đồ đạc* (đồ vật nói chung), *thiết tha* (có tình cảm gắn bó hết lòng, luôn luôn nghĩ đến, quan tâm đến),...

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Mọi đồ đạc trong nhà đều có ích lợi và gắn gũi, thân quen với con người.*

– HS liên hệ bản thân: *cần yêu quý, bảo quản, giữ gìn mọi đồ vật.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc chung cho toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn thơ từ đầu đến *trôi mau*.

– HS luyện đọc đoạn thơ từ đầu đến *trôi mau* trong nhóm và trước lớp.

– Một vài HS thi đọc thuộc lòng đoạn thơ trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

– HS luyện đọc thuộc lòng sáu câu thơ cuối (theo phương pháp xoá dần).

– Một vài HS thi đọc thuộc lòng đoạn thơ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Thi kể tên các đồ vật trong nhà chứa tiếng bắt đầu bằng chữ ch.*

– HS trao đổi trong nhóm đôi: quan sát tranh, gọi tên đồ vật, gọi tên những đồ vật đó (chăn – miền Nam gọi là “mền”/ “tấm đắp”, chiếu, chậu, chõng, chạn – tủ nhỏ đựng chén bát,...).

– Đặt 1 – 2 câu nói về một đồ vật em vừa kể tên.

– HS nghe một vài nhóm trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ K hoa

– HS quan sát mẫu chữ K hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ K hoa.

- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ *K* hoa.
- HS viết chữ *K* hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ *K* hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “*Kính thầy yêu bạn.*”.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ *K* hoa và cách nối từ chữ *K* hoa sang chữ *i*.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Kính*.
- HS viết chữ *Kính* và câu ứng dụng “*Kính thầy yêu bạn.*” vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc câu đồng dao:

*Cái bóng là cái bóng bang
Khéo sây khéo sàng cho mẹ nấu cơm.
Đồng dao*

- HS viết chữ *K* hoa, chữ *Khéo* và bài đồng dao vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn* hoặc *Mảnh ghép*, mỗi HS tìm 1 từ cho mỗi nhóm, ghi vào thẻ từ. Chia sẻ kết quả trước lớp.

(Đáp án: *tam giác – xanh lá – tròn – đỏ sẫm – vuông – xanh lơ – chữ nhật – vàng tươi*)

- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4, quan sát câu mẫu.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.

- HS viết vào VBT câu đã đặt.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

Chơi trò chơi *Tim đường đi*

- HS xác định yêu cầu vận dụng.
- HS nghe GV phổ biến luật chơi: *Vẽ đường về nhà theo sơ đồ, vừa vẽ vừa nói tên những đồ vật nhìn thấy trên đường đi.*
- HS thực hiện vừa vẽ đường về nhà vào VBT vừa nói về đồ vật em thấy trên đường trong nhóm đôi.
- Một vài HS trình bày trước lớp (có thể vẽ vào sơ đồ trên bảng mà GV đã chuẩn bị).
- HS nghe các bạn và GV nhận xét.